

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 614/2023/HS-PT

Ngày: 16/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh X, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 498/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh X.

*** Bị cáo kháng cáo:** Nguyễn Văn A, sinh năm 1997; Trú tại: Tổ dân phố 3, phường , thành phố X, tỉnh X; Nghề nghiệp: Công nhân. Văn hóa: Lớp 12/12; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Bố: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974; mẹ: Vũ Thị T, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh X. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Nguyễn N, Văn phòng luật sư Nguyễn N, thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Công ty TNHH B; địa chỉ: Lô U, khu công nghiệp Q, xã Q, huyện V, tỉnh X.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng V, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Trung Đồng, xã Vân Trung, huyện V, tỉnh X. Có mặt tại phiên tòa.

Vụ án còn 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn A, sinh năm 1997, trú tại Tổ dân phố Phú Mỹ 3, phường Dĩnh Kế, thành phố X, tỉnh X là nhân viên bộ phận phát triển (quản lý Model), xưởng A, Công ty TNHH B có địa chỉ tại Lô u, khu công nghiệp Q, xã Q, huyện V, tỉnh X. A có nhiệm vụ theo dõi quá trình phát triển của mẫu hàng linh kiện, xuất hàng nguyên vật liệu-hạt nhựa cho các công ty gia công ốp lưng điện thoại, xương điện thoại, khe sim... (gọi chung là Công ty Vender) và nhận lại hàng gia công chuyển đến các công đoạn tiếp theo (sơn, lắp ráp...) để kiểm định trước khi sản xuất đại trà. Khi Công ty có kế hoạch xuất nguyên liệu sang Công ty Vender thì Giám đốc bộ phận phát triển sẽ phân công việc thực hiện kế hoạch cho Trưởng nhóm bộ phận phát triển (Công ty có 04 Trưởng nhóm bộ phận phát triển). Trưởng nhóm bộ phận phát triển phân công cho nhân viên người Việt Nam xây dựng phiếu đề xuất xuất nguyên liệu (phiếu Order đã ghi nội dung loại hạt nhựa, số lượng) trình Tổng giám đốc, Trưởng nhóm mua hàng ký duyệt. Sau đó, nhân viên người Việt Nam photo phiếu Order, làm phiếu xuất hàng trình Trưởng nhóm bộ phận phát triển ký rồi mang đến nhận nguyên vật liệu tại kho của bộ phận mua hàng.

Quá trình làm việc tại Công ty , A thấy quy trình xuất nguyên liệu sang Công ty Vender có nhiều sơ hở như: Giữa Tổng giám đốc, Giám đốc bộ phận phát triển, Trưởng nhóm bộ phận phát triển, Trưởng nhóm mua hàng không liên hệ với nhau để kiểm tra, xác minh về kế hoạch phát triển hàng mẫu của Công ty; Công ty thường xuất nguyên liệu sang Công ty Vender vào ban đêm; Trưởng nhóm bộ phận phát triển thường xuyên đi họp, không làm việc vào ban đêm... nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản (hạt nhựa) của Công ty bằng cách làm các phiếu Order (ghi thêm số lượng hạt nhựa định chiếm đoạt) để Lãnh đạo Công ty ký rồi đưa cho quản lý kho để lấy hạt nhựa của Công ty ; trình ký các phiếu xuất hàng chưa ghi nội dung rồi tự điền các thông tin để mang hạt nhựa ra khỏi Công ty bán cho người khác lấy tiền chi tiêu cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 07/12/2021 đến ngày 28/4/2022, A nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số 10.500kg hạt nhựa trị giá 1.608.983.510 đồng của Công ty, cụ thể như sau:

** Lần thứ nhất:* A quen biết với anh Ngô Xuân C, từ trước và biết anh C có thu mua phế liệu. C nhiều lần vay mượn tiền của A và đã trả lại cho A.

Ngày 07/12/2021, A làm 01 phiếu Order với nội dung xuất 500kg hạt nhựa loại PC-0173 TH-1070T/701700 sang Công ty Vender để sản xuất linh kiện điện thoại Samsung A536 trình Tổng Giám đốc và Trưởng nhóm bộ phận mua hàng ký. Sau đó, A liên hệ, thỏa thuận bán hạt nhựa cho anh C với giá 50.000 đồng/01 kg và hẹn ngày 08/12/2021 đến Công ty nhận hạt nhựa. Anh C thỏa thuận bán hạt nhựa mua của A cho anh Nguyễn Công H với giá 60.000 đồng/01 kg.

Sáng ngày 08/12/2021, A trình Trưởng nhóm bộ phận phát triển ký 01 phiếu xuất hàng chưa ghi nội dung. Sau đó, A photo phiếu Order rồi mang đến

đưa cho thủ kho là anh Thân Văn G. Anh G kiểm tra phiếu Order thấy ghi đầy đủ nội dung, có chữ ký của Tổng Giám đốc, Trưởng nhóm bộ phận mua hàng nên đã xuất 500kg hạt nhựa cho A. Khoảng 09 giờ ngày 08/12/2021, anh C đi xe taxi đến công Công ty ; anh Nguyễn Huy đến Công ty chở hạt nhựa (anh Đ được anh H thuê chở hạt nhựa). Do thời điểm này đang có dịch Covid-19, xe ô tô không được vào trong Công ty nên A nhờ xe nâng chuyển 500kg hạt nhựa ra xe ô tô của anh Đ. Sau đó, anh C đã chuyển khoản trả A 30.000.000 đồng (trong đó 25.000.000 đồng tiền mua hạt nhựa và trả A 5.000.000 đồng anh C vay trước đó).

** Lần thứ hai:* A quen biết anh Nguyễn Huy Đ khi anh Đ đến chở hạt nhựa cho anh H, anh C. Do C trả giá mua hạt nhựa thấp và nhiều lần vay mượn tiền của A nên A không bán hạt nhựa cho C nữa mà thoả thuận bán hạt nhựa cho anh Đ.

Ngày 16/12/2021, A làm 01 phiếu Order với nội dung xuất 1.000 kg hạt nhựa loại PC-0173 TH-1070T/701700 sang Công ty Vender để sản xuất linh kiện điện thoại trình ông Tổng Giám đốc và Trưởng nhóm bộ phận mua hàng ký. Sau đó, A liên hệ hẹn anh Đ ngày 30/12/2021 đến Công ty nhận hạt nhựa.

Ngày 30/12/2021, A photo phiếu Order đưa cho thủ kho, trình Trưởng nhóm bộ phận phát triển ký 01 phiếu xuất hàng chưa ghi nội dung để lấy 1000kg hạt nhựa bán cho anh Đ với giá 50.000.000 đồng. Anh Đ thuê xe ô tô biển số 89C-235.53 của anh S và cùng anh S đến Công ty để nhận hạt nhựa. Sau đó, anh Đ chuyển khoản trả A 50.000.000 đồng tiền mua hạt nhựa.

** Lần thứ ba.* Ngày 13/01/2022, A làm 01 phiếu Order với nội dung xuất 2.500kg hạt nhựa loại PC-0173 TH-1070T/701700 sang Công ty Vender để sản xuất linh kiện điện thoại Samsung A33, A53, A536 trình Tổng Giám đốc và ông Trưởng nhóm bộ phận mua hàng ký. Sau đó, A liên hệ hẹn anh Đ ngày 19/01/2022 đến Công ty nhận hạt nhựa.

Ngày 19/01/2022, A photo phiếu Order đưa cho anh thủ kho, trình ông Trưởng nhóm bộ phận phát triển ký 01 phiếu xuất hàng chưa ghi nội dung để lấy 1000kg hạt nhựa bán cho anh Đ với giá 50.000.000 đồng. Anh Đ thuê xe ô tô biển số 89C-246.73 của anh Hoàng V và cùng anh V đến Công ty để nhận hạt nhựa. Sau đó, anh Đ chuyển khoản trả A 92.000.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng tiền mua hạt nhựa và trả A 42.000.000 đồng anh Đ vay trước đó).

** Lần thứ tư, năm, sáu:* Ngày 24/4/2022, A liên hệ bảo Đ có 8000kg hạt nhựa muốn bán, hai bên thoả thuận giá mua bán là 48.000đ/01 kg. A hẹn Đ lấy hạt nhựa trong các ngày 25, 26 và 28/4/2022.

Sáng ngày 25/4/2022, A làm 01 phiếu Order với nội dung xuất 8.000kg hạt nhựa loại PC-0173 IH-1070T/701700 sang Công ty Vender để sản xuất linh kiện điện thoại Samsung A33, A53, A047 trình Tổng Giám đốc và nhóm bộ phận mua hàng ký. Sau đó, A in 02 phiếu xuất hàng chưa ghi nội dung rồi đưa cho Trưởng nhóm bộ phận phát triển ký. A photo phiếu Order rồi đưa bản gốc

cho bộ phận mua hàng và cầm bản photo phiếu Order đến kho hàng gặp anh Thân Văn G nhận nguyên liệu.

Khoảng 09 giờ ngày 25/4/2022, anh Đ điều khiển xe ô tô biển số 89C-151.37 đến cổng Công ty và gọi điện thông báo cho A thì A làm thủ tục đăng ký cho xe ô tô của anh Đ vào Công ty. A hướng dẫn anh Đ điều khiển xe ô tô đến cửa kho hàng và bảo anh G chuyển 80 bao hạt nhựa PC- 0173 - 2.000kg lên xe ô tô của anh Đ. Sau đó, A đưa cho anh Đ ký vào phiếu xuất hàng gồm 03 liên mà ông K đã ký trước đó vào mục “Người nhận” và đưa cho anh Đ 01 liên của phiếu xuất hàng để đi qua chốt kiểm tra của bảo vệ công ty ra ngoài. Chiều cùng ngày, anh Đ chuyển khoản cho A 81.900.000 đồng (do trước đó A vay anh Đ 14.000.000 đồng và cho anh Đ 100,000 đồng).

Trong các ngày 26, 28/4/2022, A tiếp trực trình ông Kang ký 04 phiếu xuất hàng chưa ghi nội dung để chiếm đoạt hạt nhựa PC-0173 của Công ty với tổng khối lượng 6.000kg bán cho anh Đ được 298.000.000 đồng. Anh Đ đã trả hết tiền mua hạt nhựa cho A.

Ngày 03/5/2022, anh Thân Văn G kiểm tra lịch sử xuất hạt nhựa thấy trong các ngày 25, 26, 28/4/2022 A đã làm thủ tục xuất kho chuyển 8.000kg hạt nhựa cho Công ty TNHH U. Anh G liên hệ với Công ty U thì được biết họ không nhận hạt nhựa từ Công ty nên đã báo bộ phận an ninh Công ty. Nhân viên an ninh Công ty làm việc với A thì A thừa nhận hành vi phạm tội như trên nên Công ty đã làm đơn tố giác. Ngày 04/5/2022, A ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Cáo trạng số 09/CT-VKS-P2 ngày 16/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh X truy tố Nguyễn Văn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh X quyết định:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 05/5/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo A phải bồi thường cho bị hại là Công ty TNHH số tiền 1.608.983.510 đồng còn đang chiếm đoạt.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm; thông báo quyền kháng cáo và nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/4/2023 bị cáo Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyễn Văn A thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối hận và đã tác động để gia đình bồi thường thêm cho bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm và giảm nhẹ hình phạt so với bản án sơ thẩm đã tuyên;

Luật sư Nguyễn Ngọc Đ trình bày quan điểm bào chữa cho Nguyễn Văn A và cung cấp các tài liệu mới làm căn cứ xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn A (Đơn đề nghị ngày 02/2023 và giấy nhận tiền ngày 02/6/2023 của Công ty TNHH , ...); đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Công ty TNHH (ông Hoàng Văn S) xác nhận nội dung đơn ngày 02/6/2023 Công ty đã nhận thêm 500 triệu do gia đình bị cáo khắc phục; xác nhận Công ty không yêu cầu bồi thường nốt khoản tiền còn lại (hơn 608 triệu đồng) - đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn A có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, gia đình bị cáo đã bồi thường thêm số tiền 500 triệu đồng cho bị hại. Với số tiền còn lại, gia đình bị cáo và bị hại đã thỏa thuận không bồi thường thêm và đại diện công ty B có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó thấy rằng có đủ căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn A.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Văn A thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn A đã gian dối chiếm đoạt tổng số 10.500 kg hạt nhựa (có tổng trị giá 1.608.983.510 đồng) của Công ty TNHH B bán chi tiêu cá nhân hết. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Văn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Về quyết định hình phạt:

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Nguyễn Văn A:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục được một phần số tiền chiếm đoạt cho bị hại hậu quả (500.000.000 đồng). Sau khi phạm tội, bị cáo ra đầu thú; gia đình bị cáo có ông ngoại bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, huy hiệu 55 năm tuổi Đảng, Bằng khen, giấy khen trong quá trình công tác; bản thân bị cáo có tham gia ủng hộ quỹ phòng chống covid-19 tại địa phương và đại diện hợp pháp của bị hại

có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thêm 500.000.000 triệu đồng cho bị hại (tổng số đã bồi thường là 1.000.000.000 đồng). Đại diện bị hại đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ mức án 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm.

Do có thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị của bị hại, giảm hình phạt cho Nguyễn Văn A.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Bản án sơ thẩm buộc Nguyễn Văn A bồi thường toàn bộ thiệt hại, đối trừ 500.000.000 đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp 1.108.983.510 đồng là đúng. Nội dung này không có kháng cáo.

Tại phúc thẩm, đại diện Công ty có văn bản (kèm “giấy giao nhận tiền” ngày 02/6/2023) xác nhận đã nhận thêm 500.000.000 đồng, còn lại 608.983.510 đồng Công ty không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nữa và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa phần trách nhiệm dân sự ghi nhận sự tự nguyện của các bên.

[4] Kháng cáo được chấp nhận nên Nguyễn Văn A không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, khoản 2 Điều 344, Điều 343, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh X giảm hình phạt cho Nguyễn Văn A và sửa phần trách nhiệm dân sự như sau:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn A 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 05/5/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Nguyễn Văn A đã bồi thường tổng số 1.000.000.000 đồng cho bị hại Công ty TNHH B. Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 608.983.510 đồng.

3. Nguyễn Văn A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/8/2023.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh X;
- VKSND tỉnh X;
- Công an tỉnh X;
- TTG - Công an tỉnh X;
- Cục THADS tỉnh X;
- Bị cáo (qua trại); bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, PHC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương